

DẪN NHẬP THẦN HỌC

Nihil Obstat

Thủ Đức ngày 14/10/2021

FX Nguyễn Hai Tính, S.J., STD

Censor librorum

Imprimi potest

Thủ Đức ngày 21/10/2021

Vincent Phạm Văn Mầm, S.J.

Giám Tỉnh Dòng Tên

Giuse Phạm Thanh Liêm, S.J.

DẪN NHẬP THẦN HỌC

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

MỤC LỤC

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT	9
PHẦN I: TỪ NGỮ “THẦN HỌC”	11
A. Hy Lạp ngoại giáo.....	11
B. Kitô giáo.....	13
1. Các giáo phụ Đông phương.....	13
2. Các giáo phụ và thần học gia Tây phương.....	15
C. Tóm kết.....	17
PHẦN II: ĐỐI TƯỢNG - MỤC ĐÍCH	21
A. Đối tượng thần học	21
1. Thiên Chúa.....	21
2. Đức Giêsu Kitô và lịch sử cứu độ	22
3. Đối tượng chất thể và hình thể của thần học.....	24
B. Mục đích của thần học.....	26
C. Giáo trình thần học	28
1. Chuyên biệt hóa	28
Thần học thiêng liêng	29
Thần học luân lý.....	29

Thần học kinh viện và thần học tích cực.....	30
Thần học hộ giáo (théologie apologetique).....	31
Thần học tín lý.....	32
Thần học mục vụ, truyền giáo, hiệp nhất.....	33
Thần học giải phóng.....	33
2. Các giáo trình.....	34
Thần học căn bản:.....	34
Thần học tín lý:.....	34
Kinh Thánh:.....	35
Thần học luân lý:.....	35
Thần học mục vụ:.....	36
Phụng vụ thánh:.....	36
Các môn học khác:.....	37

PHẦN III: NHỮNG ĐIỀU KHÔNG THỂ THIẾU..... 39

A. Mạc khải - Đức tin - Huấn quyền.....	41
1. Mạc khải.....	42
2. Đức tin.....	43
3. Huấn quyền.....	45
B. Lý trí.....	47
C. Ngôn ngữ.....	52
1. Ngôn ngữ và thực tại.....	52
2. Loại suy.....	52
3. Loại suy đức tin.....	54

PHẦN IV: PHƯƠNG PHÁP THẦN HỌC.....	57
A. Thần học tích cực.....	59
B. Thần học căn bản.....	65
C. Thần học suy lý.....	68
PHẦN V: CHIỀU KÍCH VÀ TRỰC CHÍNH.....	73
A. Chiều kích quy nhân.....	74
B. Các trực chính.....	75
THƯ MỤC.....	81

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT

- DS Denzinger - Schoenmetzer. *Enchiridion Symbolorum Definitionum et Declarationum*. Herder, 1963.
- LT Sách Linh Thao của thánh Inhaxiô Loyola.

*Tên sách Kinh Thánh được viết tắt theo bản dịch
Các Giờ Kinh Phụng Vụ.*

*Tên các văn kiện Công Đồng Vaticanô II
được viết tắt theo bản gốc Latin.*

“**D**ẫn nhập thần học” được soạn để giúp sinh viên dễ dàng định vị điều mình đang học, cũng như có khái niệm tổng quát hầu dễ dàng học thần học.

Nội dung chia làm năm phần:

đầu tiên nói về ý nghĩa từ ngữ “thần học”;

thứ đến bàn về đối tượng và mục đích của thần học;

sau đó bàn về những điều kiện căn bản của thần học;

tiếp nữa về phương pháp thần học;

và cuối cùng về các đường hướng và trục chính của thần học ngày nay.

PHẦN I: TỪ NGỮ “THẦN HỌC”

Từ ngữ “thần học” được dịch từ chữ la-tinh theologia, hoặc chữ Hy Lạp θεολογια.

A. HY LẠP NGOẠI GIÁO

Trong ngôn ngữ Hy Lạp, Platon đã gọi các thi sĩ như Homère và Hésiode là những thần học gia (Θεολογοι), bởi những thi sĩ này đã kể lại đời sống các vị thần linh. Platon cho rằng các bài thơ ngụ ngôn và câu chuyện thần thoại thực sự là các “lời về thần linh”¹ mà các thể thơ và loại văn là những lớp áo.

Aristote cũng đồng tình với cách dùng từ ngữ θεολογια của Platon, nhưng ông còn dùng θεολογια theo nghĩa mới nữa.² Aristote chia tri thức ra

¹ Platon, De republica, II, 397 a5.
cf. E. Schillebeeckx, *Approches théologiques*, p. 79.
Y-M. J. Congar, *La foi et la théologie*, p. 125.

² Aristote, *Meteorol. B, I*, 353 a34.
Met. B, 4, 1000 a9, etc.
E. Schillebeeckx, *Approches théologiques*, p. 79.

ba loại: tri thức vật lý, tri thức toán học và tri thức thần học. Theo ngôn từ của Aristote, thần học cũng là triết học và là chóp đỉnh của triết học, triết học thứ nhất, là khoa bàn về các hữu thể như là hữu thể, là khoa học giải thích các hữu thể chuyển động bằng hữu thể bất động; nói tóm lại, thần học là triết học thứ nhất nghiên cứu về những nguyên nhân tối cao của thế giới tinh tú thần linh và hữu hình.³

Động từ *Θεολογειν* của danh từ *θεολογια*, được dùng để chỉ việc tôn kính hoàng đế như một thần linh.⁴

Với Panetius de Rhodes và Varron, từ ngữ *θεολογια* được dùng theo ba nghĩa:

- * thần học thần thoại, chỉ những áng văn thần thoại và những bài thơ ngụ ngôn nói về các thần linh;
- * thần học tự nhiên hay thần học triết lý, bàn về những nguyên nhân tối hậu của thế giới vũ trụ;

³ Aristote, *Met.* E 1026 a15-19.

cf. E. Schillebeeckx, *Approches théologiques*, p. 79
Y. Congar, *La foi et la théologie*, p. 125.

⁴ E. Schillebeeckx, *Approches théologiques*, p. 80.

- * thần học chính trị hay dân sự, nói về hoàng đế như một vị thần.⁵

B. KITÔ GIÁO

1. Các giáo phụ Đông phương

Từ ngữ “thần học” không được dùng nhiều trong thời đầu của Giáo Hội. Sở dĩ vậy, vì từ ngữ “thần học” không có trong Kinh Thánh, và hơn nữa vì dân ngoại đã dùng từ ngữ này để chỉ việc sùng bái hoàng đế nên các Kitô hữu tránh dùng chữ này.⁶

Origène là người đầu tiên dùng từ ngữ “thần học” để chỉ tri thức về Thiên Chúa theo nghĩa Kitô giáo. Dù vẫn dùng từ ngữ “Θεολογοι” (thần học gia) theo nghĩa dân ngoại, nhưng Origène cũng dùng từ ngữ “thần học” (θεολογια) để chỉ những lời giảng thuyết về Thiên Chúa và về Đức Kitô (sermo de Deo et Christo).

⁵ Ibidem.

Thánh Augustin trích dẫn ý kiến của Varron (chết năm 27 trước tây lịch) trong *Civitate Dei*, VI, 5: “Tria genera theologiae sunt, id est rationis quae de diis explicatur: eorumque unum mythicum, alterum physicum, tertium civile.”

Cf. Y. Congar, *La foi et la théologie*, p. 125.

⁶ Y. Congar, *La foi et la théologie*, p. 125-126.

Từ ngữ “theologein” cũng được Origène dùng để chỉ việc tuyên xưng Đức Kitô là Thiên Chúa thật.⁷

Với Eusèbe, các giáo phụ Hy Lạp đã dùng từ ngữ “thần học” để chỉ giáo lý chân thực về Thiên Chúa.⁸ Eusèbe đã dùng từ ngữ “thần học theo Đức Kitô.”⁹

Corpus dionysiacum đã thường dùng từ ngữ “thần học.”¹⁰

Vào thế kỷ thứ IV do ảnh hưởng của thần học Byzantin, xuất hiện khuynh hướng muốn đối nghịch thần học (Θεολογια) và nhiệm cục (Οικονομια); “thần học” ở đây có nghĩa “giáo thuyết về Ba Ngôi”, những điều liên hệ đến thần tính; còn “nhiệm cục” được hiểu là những mầu nhiệm cứu độ trong lịch sử.¹¹

⁷ Origène, *Contra Celsum* VI, 18

cf. Y. Congar, *La foi et la théologie*, p. 125-126.

E. Schillebeeckx, *Approches théologiques*, p. 80-81.

⁸ Y. Congar, *La foi et la théologie*, p. 125-126.

⁹ Eusèbe, *De hist. Eccl.*, I, 1, 7

cf. E. Schillebeeckx, *Approches théologiques*, p. 80.

¹⁰ *Ibidem*.

¹¹ E. Schillebeeckx, *Approches théologiques*, p. 80-81.

2. Các giáo phụ và thần học gia Tây phương

Nói chung, các giáo phụ Tây phương không dùng từ ngữ “thần học;” tuy vậy có lần thánh Augustin (354-430) đã dùng từ ngữ “thần học chân thực” (*vera theologia*) khi muốn hướng dân ngoại về với Kitô giáo; nhưng ngoài lần đó ra, ngài không dùng từ ngữ “thần học” để chỉ giáo lý chân thực về Thiên Chúa lần nào nữa.¹²

Phêrô Abélard (1079-1142) là người đầu tiên hay dùng từ ngữ “thần học” theo nghĩa Kitô giáo. Tuy nhiên với Abélard cũng như trong truyền thống thần học Byzantin, từ ngữ thần học được dùng để chỉ giáo trình về Thiên Chúa; còn các mầu nhiệm của Đức Kitô gọi là *Beneficia*, chứ không gọi là *theologia* như chúng ta ngày nay.¹³ Các giáo phụ và những thần học gia của Giáo Hội Tây phương thời đó đã dùng từ ngữ *Doctrina Christiana*

¹² Augustin, *De Civitate Dei*, VI, 8 (PL. 41, 186)

Y. Congar, *La foi et la théologie*, p. 126.

E. Schillebeeckx, *Approches théologiques*, p. 81.

¹³ Y. Congar, *La foi et la théologie*, p. 126.

E. Schillebeeckx, *Approches théologiques*, p. 81.

Y. Congar trích dẫn J. Rivière, art. “*Theologia*”, trong *RSRUS*, 16, 1936, pp. 47-57, cho rằng từ ngữ “thần học” lúc đó chưa dùng để chỉ một môn khoa học, mà để chỉ nội dung tác phẩm bàn về toàn bộ các tín điều Kitô giáo. Mãi tới thế kỷ XIII, “thần học” mới xuất hiện trong danh sách các môn học trường lớp.

(thánh Augustin), *Sacra Scriptura*, *Sacra Eruditio*, *Sacra Pagina* hay *Divina Pagina* để chỉ điều gọi là thần học ngày nay.¹⁴

Sau Abélard, từ ngữ “thần học” vẫn chưa được dùng phổ biến, và người ta vẫn dùng từ *Doctrina Christiana* của thánh Augustin để chỉ *Sacra Doctrina*; điều này kéo dài ở thế kỷ XII và thậm chí đến sau thời thánh Thomas nữa.¹⁵

Thánh Thomas cũng ít khi dùng “thần học” như từ ngữ đồng nghĩa với *Sacra Doctrina*;¹⁶ ngài phân biệt “thần học triết lý” (*theologia philosophica*) và “thần học Kinh Thánh” (*theologia sacrae scripturae*)¹⁷. Sự phân biệt này không giống chúng ta phân biệt giữa thần học và thần lý học (*théodicée*), nhưng một bên là lời dạy của triết học ngoại đạo về Thiên Chúa, và

¹⁴ Y. Congar, *La foi et la théologie*, p. 126.

¹⁵ E. Schillebeeckx, *Approches théologiques*, p. 81.

¹⁶ ST. Thomas, *In I Sent.*, Prol., 4, obj. 2 in contr.

In Ep. ad Rom., Prol.

In Boeth. De Trin., q. 2, a. 3, ad 7.

Trong những trường hợp dùng từ ngữ “thần học”, từ ngữ này thường được hiểu với nghĩa *sermo de Deo* (cf. S.T. I, q. 1, a. 7, note c).

Do chịu ảnh hưởng của Aristote, Thomas còn dùng từ ngữ “thần học” để nói về môn siêu hình, thậm chí còn dùng cả từ ngữ ***scientia divina*** để chỉ môn này (*In Boeth. De Trin.*, q. 5, a. 1)

cf. Schillebeeckx, *Approches théologiques*, p. 82.

¹⁷ *In Boeth. De Trin.*, q. 5, a. 4 và S.T. I, q. 1, a. 1, ad 2.

bên kia là lời dạy của Kitô giáo, hàm chứa cả thần học như chúng ta hiểu bây giờ.¹⁸

Từ thời giữa thánh Thomas và Scot, “thần học” được dùng nhiều và trở thành từ ngữ chuyên biệt để chỉ *Sacra Doctrina*; thần học “suy lý” đề nghị dùng từ “thần học” (*theologia*) thay thế cho từ ngữ “học thuyết thánh” (*Sacra Doctrina*). Điều này cho thấy khía cạnh suy lý, lập luận được đề cao nơi thần học kinh viện.¹⁹

C. TÓM KẾT

“Thần học”, theo tiếng Hy Lạp gồm hai từ “*Θεος*” và “*Λογια*”, là “những lời về Thiên Chúa.”

Vào thời thượng cổ Hy Lạp, nó được dùng để chỉ những bài thơ ngụ ngôn và những áng văn mang màu sắc thần thoại về các vị thần linh của người Hy Lạp; đến thời Aristote, từ ngữ “thần học” còn được dùng để nói về Tuyệt Đối như “động cơ bất động”, như nguyên nhân tối hậu của những chuyển động và của những nguyên nhân đệ nhị; sau đó từ ngữ này còn được dùng để ca tụng hoàng đế trần gian, coi những vị này như những vị thần.

¹⁸ St. Thomas, *Contra Gent.* I, 4

cf. E. Schillebeeckx, *Approches théologiques*, p. 82.

¹⁹ E. Schillebeeckx, *Approches théologiques*, p. 82-83.

Kể từ sau Duns Scot, từ ngữ “thần học” được các Kitô hữu dùng với nghĩa tương tự như các từ Sacra Doctrina, Sacra Scriptura, Divina Pagina.

“Thần học”, hiểu theo nghĩa Kitô, là những lời về Thiên Chúa, là tri thức về Thiên Chúa và của Thiên Chúa.

- * “Thần học” là khoa học có Thiên Chúa là đối tượng, bao hàm những **kiến thức của con người** về Thiên Chúa.
- * “Thần học” là **tri thức Thiên Chúa có về chính Ngài**, và Ngài thông truyền cho con người nhờ ân sủng, do ý muốn tự do yêu thương của Ngài.²⁰ Tri thức Thiên Chúa có về chính Ngài và về thế giới, được thông ban cho con người qua hai mức độ : mức độ thứ nhất hoàn hảo trong thị kiến vĩnh phúc, mức độ thứ hai bất toàn qua mặc khải và đức tin.²¹

Có ba loại tri thức về Thiên Chúa:

- thứ nhất, tri thức con người có được do suy tư về thế giới được tạo dựng;

²⁰ R. Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, Paris 1968, p.15. 18.

²¹ *Ibidem*.

- thứ hai, tri thức nhờ Lời Chúa được mặc khải cho con người;
- và thứ ba, tri thức có được do thị kiến về Thiên Chúa.

Tương ứng với ba loại tri thức này là ba loại thần học: thần học tự nhiên hay thần lý học, thần học lữ khách hay “thần học” như vẫn được gọi, và sau cùng là thần học quê hương hay những tri thức của những người được tuyển chọn.

Ba loại tri thức về Thiên Chúa kể trên, khác nhau theo cách thức đến với Thiên Chúa.²²

Bình thường khi không nói gì rõ thêm, chúng ta hiểu “thần học” là những tri thức có được nhờ mặc khải, được lý trí tìm kiếm giải thích và hệ thống hóa trong đức tin. Nói theo ngôn từ của thánh Anselme, thần học là *fides quaerens intellectum*.

²² Ibidem.

PHẦN II: ĐỐI TƯỢNG - MỤC ĐÍCH

Phần trước đã tìm hiểu ý nghĩa từ ngữ “thần học,” trong phần này sẽ tìm hiểu đối tượng thần học xét như một khoa học, sau đó đích nhắm của thần học, và cuối cùng xem việc phân chia các môn trong thần học.

A. ĐỐI TƯỢNG THẦN HỌC

Một số người cho rằng đối tượng của thần học đã hàm chứa trong từ ngữ “thần học.” Thần học là “lời về Thiên Chúa” và “lời của Thiên Chúa”, nên đối tượng của thần học là Thiên Chúa.

1. Thiên Chúa

Trường phái Thomas cho rằng: đối tượng của thần học là Thiên Chúa, nghĩa là, như Thiên Chúa biết chính Ngài và Ngài thông truyền cho chúng ta nhờ mặc khải.²³

²³ St. Thomas, S.T., Ia, q. 1, a. 6.

cf. Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, pp. 37.23.

2. Đức Giêsu Kitô và lịch sử cứu độ

Một số thần học gia khác cho rằng: mặc khái đến với chúng ta qua những biến cố xảy ra trong dòng lịch sử nhân loại, và chính những biến cố này cấu thành lịch sử cứu độ; chẳng hạn Cựu Ước tường thuật những điều kỳ diệu Thiên Chúa đã làm cho dân Ngài, và Tân Ước là Tin Mừng về Đức Giêsu Kitô; thế nên, đối tượng của thần học là Đức Kitô và lịch sử cứu độ.²⁴

Như vậy đối tượng của thần học là gì?

Thiên Chúa hay Đức Kitô?

Thiên Chúa hay nhiệm cục cứu độ?

Theo E. Mersch, đối tượng chất thể của thần học gồm cả đối tượng chính là Thiên Chúa lẫn đối tượng thứ yếu là những công trình của Thiên Chúa. Đối tượng trung tâm của thần học không là gì khác ngoài Đức Kitô toàn thể, hay Đức Kitô màu nhiệm.²⁵

Phê bình:

Đồng ý rằng: Đức Kitô là trung tâm của lịch sử cứu độ; Đức Kitô toàn thể (Christ total) là đối tượng chất thể của thần học; Màu nhiệm cứu độ khả tri nhờ

²⁴ Ibidem.

²⁵ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p.30.

Đức Kitô; Đòi sống thần linh được ban cho con người nhờ và trong Đức Kitô;

nhưng với những điều đó, liệu có thể nói Đức Kitô là đối tượng hình thể (objet formel) của thần học không?

Câu trả lời là **không**, vì những lý do sau đây:

- * Theo 1Ga 4:9.16, Đức Kitô là Đấng biểu lộ chương trình tình yêu của Thiên-Chúa-cứu-độ trong lịch sử; nhưng đối tượng tối hậu của đức tin và của thần học, là Thiên Chúa-cứu-độ-con người-quá Đức Kitô;
- * Theo 1Cor 3:23: “anh em thuộc về Đức Kitô, còn Đức Kitô thuộc về Thiên Chúa;” và theo Eph 1:3-7: Thiên Chúa là chính;

trong khi đó theo viễn ảnh của Mersch, mầu nhiệm Ba Ngôi và sứ vụ thần linh là thứ yếu.²⁶

²⁶ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, pp. 30-32.

Không được lẫn lộn vấn đề đối tượng thần học và vấn đề hệ thống thần học. Nếu một khi đã chấp nhận đối tượng thần học là Thiên Chúa như là Thiên Chúa, người ta có thể tùy ý chọn hệ thống thần học nào đó; chẳng hạn hệ thống quy Kitô, hay quy thần, hay hệ thống thần học quy giáo hội, hay quy nhân (anthropocentrique).

Một điều nữa nên lưu ý về khuynh hướng tách rời và đối nghịch giữa thần học và nhiệm cục cứu độ.

Theo E. Schillebeeckx, sđd, tr. 81: “Ở thế kỷ IV, các thần học gia Byzantin thường đối nghịch giữa “thần học” (theologia) và

3. Đối tượng chất thể và hình thể của thần học

Bây giờ xem lập trường của trường phái Thomas. Với trường phái này, đối tượng chất thể của thần học là Thiên Chúa, còn đối tượng hình thể của thần học là Deus sub ratione deitatis, nghĩa là Thiên Chúa như là Thiên Chúa.²⁷

Về đối tượng chất thể của thần học, thánh Thomas nói trong Summa Theologiae I, q.1, a.7: “Trong khoa học thánh, người ta có thể bàn về mọi sự liên hệ đến Thiên Chúa, hoặc vì những điều này thuộc về Thiên Chúa (yếu tính, thuộc tính, ngôi vị), hoặc vì những điều này quy về Thiên Chúa như nguồn gốc và đích điểm (các tạo vật, các hành vi nhân linh, lề luật, ân sủng, các nhân đức, các bí tích).”

Về đối tượng hình thể, đó là chính Thiên Chúa, là Thiên Chúa cứu độ con người qua Đức Kitô, là Thiên Chúa mặc khải trong dòng lịch sử, là Thiên Chúa tỏ mình là Ba Ngôi Vị. “Tất cả thần học đều quy tóm về mầu nhiệm Ba Ngôi và Nhập Thể, nghĩa là về mầu nhiệm Thiên Chúa trong đời sống tâm

“nhiệm cục” (oikonomia). Thần học khi đó dùng để chỉ “giáo lý về Chúa Ba Ngôi”, nghĩa là những gì liên hệ đến thần tính, đối nghịch với “nhiệm cục cứu độ.”

²⁷ Latourelle, Théologie - Science du Salut, p. 23.

sâu của Ngài, và về nhiệm cục cứu độ (các phương tiện dẫn con người đến với Ngài)” (St. Thomas, S.T., Ila-IIae, q.1, a.8; q.2, a.5).

Chân lý trung tâm của kho tàng mạc khải, cũng như ý tưởng chủ đạo hướng dẫn tiến trình mạc khải từ Cựu Ước đến Tân Ước, là Thiên Chúa cứu độ con người nhờ Đức Kitô. Chính chân lý này nối kết và thống nhất cả hai giao ước.²⁸

Mầu nhiệm Ba Ngôi cũng chỉ được mạc khải trong viễn cảnh cứu độ, để con người hiểu rằng Thiên Chúa Cha yêu thương và cứu độ con người qua Đức Kitô và trong Thánh Linh tình yêu.²⁹

Thần học (theologia) là những lời về Thiên Chúa. Nhưng những lời về Thiên Chúa (logia) thì không đồng nhất với Thiên Chúa (chỉ có Logos đồng nhất với Thiên Chúa). Thiên Chúa vượt trên thần học, vì thần học là một khoa học, thuộc về tạo vật nên không thể nắm bắt và gói trọn được Thiên Chúa.

Đối tượng chất thể của thần học là những tạo vật, là lịch sử cứu độ, là các mầu nhiệm Chúa Kitô, là các tín điều, v.v. Đối tượng hình thể của thần học

²⁸ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 26-27.

²⁹ Latourelle, *Théologie - Science du Salut.*, p. 25.

là chính Thiên Chúa như là Thiên Chúa, là Thiên Chúa Ba Ngôi Vị, là chủ thể tự do chứ không là những sự vật.

B. MỤC ĐÍCH CỦA THẦN HỌC

Thần học là một khoa học thực hành hay là một khoa học lý thuyết? Thần học nhằm mục đích điều chỉnh hành động của chúng ta, giúp chúng ta sống tốt hơn, hay thần học chỉ nhằm giúp chúng ta biết chân lý, biết để biết thôi?

Có những lập trường khác nhau, chúng ta có thể tóm lại thành bốn câu trả lời:

- * Đối với Henri de Gand (†1293), thần học đơn thuần là khoa học lý thuyết, vì thần học nhằm tri thức và chiêm ngắm (θεωρεω) Thiên Chúa.
- * Đối với Alexandre de Hales, Albert le Grand, Duns Scot, thần học đơn thuần là khoa học thực hành, vì thần học sưởi nóng lòng sùng kính và thúc đẩy ý muốn hướng đến sự Thiện tối hậu.³⁰

³⁰ Alexandre de Hales gọi thần học là khoa học tâm tình (science affective). Albert le Grand gọi thần học là "tri thức hướng tới lòng sùng mộ." Thế nhưng một số đông các sinh viên và các

- * Thánh Thomas cho rằng, làm thần học để trở nên tốt hơn và để dẫn người ta đến sự thánh thiện, nhưng thần học chủ yếu là tri thức lý thuyết (S.T., Ia, q.1, a.4).
- * Thánh Bonaventura cho rằng: thần học là khoa học vừa lý thuyết vừa thực tiễn, nhưng chủ yếu là thực tiễn, vì thần học nhắm đầu tiên đến việc làm cho chúng ta tốt hơn (I Sent., Proemium, q. 3).³¹

Theo R. Latourelle, thần học hiện tại có nhiều hướng phục vụ hơn ngày xưa.³² Nét đặc trưng của

thần học gia cảm thấy sự bất cân xứng giữa đời sống thiêng liêng và đời sống tri thức. Dường như thần học làm họ xa cách Thiên Chúa, làm họ khô khan, chứ không nuôi dưỡng họ (cf. Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 233).

³¹ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 63-65.

Khi bàn về đời sống thiêng liêng của các thần học gia, R. Latourelle trong sách đã dẫn, tr. 233-234 viết:

Thần học tự bản chất, không là đời sống thiêng liêng; nhưng tri thức về Thiên Chúa và đời sống trong Thiên Chúa không thể là không hòa hợp được, chẳng hạn ta thấy nơi các thánh Thomas, Bonaventura, Canisius, Roberto Bellarmino, v.v... Sự bất hòa hợp, chia cắt là do hậu quả của tội!

³² Khao khát được hiểu biết những điều mình tin rất mãnh liệt nơi thánh Augustinus và thánh Anselmus.

Thánh Augustinus viết:

"Desideravi intellectu videre quod credidi, et multum disputavi et laboravi" (De Trinitate XV, 28, 51 PL. 42, 1098).

"Id quod credimus, nosse et intelligere cupimus"

(De libero arbitrio II, 2, 5 PL. 32, 1243;

hoạt động thần học hiện đại, là ý thức phục vụ Giáo Hội hiện tại.³³

Trong chiều hướng này chúng ta thấy mục đích của việc học thần học là đào tạo các linh mục và những tông đồ, vì sứ mạng đầu tiên của linh mục là loan báo lời cứu độ của Thiên Chúa (cf. P.O., 4).³⁴

C. GIÁO TRÌNH THẦN HỌC

1. Chuyên biệt hóa

Trong thần học, chúng ta thường nghe nói tới thần học căn bản, thần học tín lý, thần học luân lý, thần học tu đức, thần học mục vụ, thần học truyền giáo, thần học hiệp nhất, v.v.; nhưng ở những thế kỷ đầu trong lịch sử Giáo Hội, chúng ta không thấy như vậy. Sự phân chia hay chuyên biệt hóa này đã xảy ra theo nhu cầu của thời đại.

De Trinitate IV. 1 PL. 42, 961; XV, 27, 40 PL. 42, 1096).

Còn thánh Anselmus: "Non tento, Domine, penetrare altitudinem tuam; Quia nullatenus comparo illi intellectum meum, sed desidero aliquatenus intelligere veritatem tuam, quam credit et amat cor meum. Neque enim quaero intelligere ut credam; sed credo ut intelligam. Nam et hoc credo quia nisi credidero, non intelligam" (Proslogion I PL. 158, 227).

Cf. Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 214. 20.

³³ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 214.

³⁴ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 201.

Thần học thiêng liêng

Ở thời thánh Thomas và Bonaventura, thần học thần bí vẫn nằm trong thần học; nhưng từ thế kỷ XV đã có nhiều chuyển biến, và sang thế kỷ XVI đã xuất hiện những tác phẩm thiêng liêng không còn khởi từ thần học suy lý như nguồn cảm hứng, và hơn nữa tác giả của những tác phẩm này còn được coi như những thần học gia đúng nghĩa.³⁵

Thần học thần bí, sau đó chuyển biến cả về nội dung lẫn tên gọi, thành thần học tu đức hay thần học thiêng liêng.

Thần học luân lý

Từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XV, đã có nhiều thủ bản thực tiễn dành cho các cha giải tội. Nhưng từ cuối thế kỷ thứ XVI, luân lý trở thành một lãnh vực riêng thoát khỏi ảnh hưởng trực tiếp và cố hữu của tín lý.³⁶

³⁵ Y. Congar, art. cit., col. 423-424.

E. Schillebeeckx, *Approches théologiques*, p. 8.

Điều đáng để ý là trong *Tabulae fontium traditionis christianae* từ thế kỷ XV, các cha Creusen và Van Eyen đã mở một cột đặc biệt về thần học tu đức và thần bí (*theologia ascetica et mystica*).

³⁶ Y. Congar, art. cit., col. 424-426.

Y. Congar, *La foi et la théologie*, p. 181.

E. Schillebeeckx, *Approches théologiques*, p. 83.

Thần học kinh viện và thần học tích cực

Grégoire de Valence trong *Commentarii theologici* xuất bản năm 1591 đã nói về việc chia thần học ra làm thần học kinh viện (suy lý) và thần học tích cực. Thánh Inhaxiô Loyola cũng nói thần học gồm kinh viện và tích cực (LT 363).

Thần học tích cực đã ra đời từ khi thần học kinh viện có khuynh hướng bỏ những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ lịch sử cứu độ.³⁷ E. Schillebeeckx cũng cho rằng phong trào trở về nguồn của nhân bản thuyết, đã làm phát sinh sự phân biệt giữa thần học kinh viện và thần học tích cực.³⁸

Theo Y. Congar, “thần học tích cực” có hai nghĩa trong lịch sử: một theo quan niệm văn chương và một theo quan niệm phương pháp. Nghĩa đầu tiên cũng là nghĩa thánh Inhaxiô Loyola dùng, và nghĩa này rất phổ biến, tiêu biểu cho một cách thức làm thần học; còn nghĩa thứ hai được dùng trong chiều hướng của Cano, nó chỉ là một phần của thần học hay một chức năng mà nhờ đó thần học thiết lập

“tín lý” ở đây vẫn được hiểu như nằm trong thần học kinh viện.

³⁷ Y. Congar, art. “Théologie”, trong DTC, Paris 1946, col. 427-430
Y. Congar, *La foi et la théologie*, p. 83.

³⁸ E. Schillebeeckx, *Approches théologiques*, p. 83.

những nguyên tắc, những nền tảng, những dữ kiện để suy tư.³⁹

Do những chỉ trích phê bình của các nhà cải cách Tin Lành cũng như của những lạc giáo, một trong những nỗ lực của thần học tích cực là cho thấy sự hòa hợp giữa giáo huấn của Giáo Hội hiện tại với các chứng từ Kinh Thánh và các giáo phụ.⁴⁰

Thần học hộ giáo (théologie apologétique)

Do ảnh hưởng của lý giáo và của phong trào duy lý, thần học hộ giáo phát sinh nhằm biện minh: Huấn Quyền được Thiên Chúa trao sứ mạng loan báo mạc khải siêu nhiên cho con người (*demonstratio catholica et christiana*).

Trước giữa thế kỷ XVII hộ giáo vẫn nằm chung với tín lý trong giáo trình kinh viện bàn về đức tin: sự khả tín và sự chắc chắn chủ quan của đức tin. Từ giữa thế kỷ XVII trở đi, hộ giáo trở thành một giáo trình riêng và thường có tính bút chiến.⁴¹

³⁹ Y. Congar, art. "Theologie",

⁴⁰ Y. Congar, art. cit., col. 430.

⁴¹ Y. Congar, art. cit., col. 430-431.

Y. Congar, *La foi et la théologie*, p. 182.

E. Schillebeeckx, *Approches théologiques*, p. 83.

Ngày nay từ ngữ “thần học căn bản” thay thế thần học hộ giáo.⁴²

Thần học tín lý

Từ ngữ “tín lý” (dogmaticus) đã có trong thần học và được dùng để đối lập với “luân lý”, nó chỉ cái gì lý thuyết, bao gồm thái độ và những khẳng định ý thức hệ chắc chắn.⁴³

Vào khoảng những năm 1680, thần học Công Giáo không còn dùng từ ngữ “tín lý” để đối nghịch với “luân lý” nữa, nhưng để đối nghịch với “kinh viện.” Thần học tín lý ở đây nhằm thiết lập cái gì thuộc về đức tin được mặc khải, và không bận tâm đến những vấn đề kinh viện.

Thần học tín lý hiện tại trình bày giáo lý Công Giáo không như một hệ thống, nhưng như một giải

⁴² Cf. Claude Geffré, art. “L’histoire récente de la théologie fondamentale, essai d’interprétation,” trong *Concilium* n. 46 (1969), p. 11-28.

⁴³ Y. Congar, art. cit., col. 432.

cf. O. Ritschl, *Das Wort dogmaticus in die Geschichte des Sprachgebrauchs bis um Aufkommen des Ausdrucks theologia dogmatica*, trong *Festgabe J. Kaftan*, Tubingue 1920, pp. 260-272.

thích dữ kiện đức tin trong tương quan rất gần với nguồn và với cách diễn tả của các nguồn này.⁴⁴

Thần học mục vụ, truyền giáo, hiệp nhất

Vào thế kỷ XX này, do nhu cầu và hoàn cảnh mục vụ, truyền giáo và hiệp nhất, đã xuất hiện những giáo trình riêng biệt về mục vụ, hiệp nhất và truyền giáo.⁴⁵

Thần học giải phóng

Khởi phát giữa các cộng đoàn Kitô hữu tham dự vào phong trào giải phóng ở Châu Mỹ La Tinh, thần học giải phóng không chỉ suy tư và giải thích dưới ánh sáng Lời Chúa tiến trình và công cuộc giải phóng trong hoàn cảnh và những điều kiện lịch sử và chính trị cụ thể hôm nay, mà còn giải thích lại sự phong phú của đức tin,⁴⁶ khởi đi từ việc thực hiện công cuộc giải phóng này.

⁴⁴ Y. Congar, art. cit., col. 432-434.

E. Schillebeeckx, *Approches théologiques*, p. 83.

⁴⁵ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 155-175.

⁴⁶ J. C. Scannone, art. "La théologie de la libération; évangélique ou idéologique?", trong *Concilium* 93 (1974), p. 132.

G. Gutierrez-Merino, art "Mouvements de...", *Concilium* 93 (1974), p. 125. 129.

2. Các giáo trình

Ở trên đã lược qua tiến trình chuyên biệt hóa trong thần học, bây giờ sẽ liệt kê các giáo trình thần học được giảng dạy trong các phân khoa thần học. Cụ thể, xin lấy chương trình của Giáo Hoàng Học Viện thánh Piô X - Đà Lạt vào những niên khóa 73-74, 74-75 làm thí dụ.

Thần học căn bản:

- Vấn đề Thiên chúa và tôn giáo.
- Mặc khải.
- Đức Tin như lời đáp.
- Nguồn gốc Giáo Hội và cơ cấu Giáo Hội.
- Các nội thần học (De locis theologicis).
- Dẫn nhập thần học: vấn đề thần học.

Thần học tín lý:

- Mầu nhiệm Thiên Chúa duy nhất, ba ngôi.
- Nguồn gốc thế giới và con người. Trật tự siêu nhiên. Tội.
- Kitô học (Nhập thể, Cứu chuộc).
- Thánh Mẫu học.
- Ân sủng và các nhân đức.

- Mầu nhiệm Giáo Hội.
- Bí tích đại cương. Các bí tích khai tâm. Các bí tích khác.
- Cánh chung học.

Kinh Thánh:

- Dẫn nhập tổng quát vào Cựu và Tân Ước.
- Tin Mừng nhất lãm và Công vụ Tông đồ.
- Các thư Phaolô và các thư Công Giáo.
- Tin Mừng thứ tư và các thư Yoan.
- Dẫn nhập đặc biệt vào Cựu Ước (sách lịch sử, tiên tri, khôn ngoan).
- Chú giải những đoạn chọn lọc trong Cựu Ước.
- Những chủ đề giáo lý chính của Cựu và Tân Ước.

Thần học luân lý:

- Luân lý căn bản (Mục đích con người; Trách nhiệm; Luật; Lương tâm; Tội).
- Luân lý chuyên biệt:
- Các giới răn Thiên Chúa (I-IV, V, VIII) và giới răn Giáo Hội.
- Công bình (giới răn VII và X).

- Luân lý các bí tích (trừ Hôn phối).
- Giới tính (giới răn VI và IX) và Hôn phối.
- Các nhân đức đối thần: tin, cậy, mến.

Thần học mục vụ:

- Hùng biện.
- Thánh nhạc.
- Những nguyên tắc thần học của mục vụ.
- Mục vụ phụng vụ.
- Tông Đồ giáo dân.
- Săn sóc các linh hồn.
- Huấn giáo.
- Các phương tiện truyền thông.
- Thần học đời sống thiêng liêng.

Phụng vụ thánh:

- Những nguyên tắc thần học. Năm phụng vụ.
- Phụng Vụ Thánh Thể.
- Các giờ kinh phụng vụ.

Các môn học khác:

- Lịch sử Giáo Hội.
- Lịch sử truyền giáo.

- Giáo luật.
- Giáo phụ.
- Tiếng Hy Lạp Kinh Thánh.
- Tiếng Do Thái.
- Khảo cổ Kitô giáo.
- Phật giáo. Ấn độ giáo.
- Các tông giáo Trung Hoa. Các tông giáo Việt Nam.

Ở trên là chương trình nhằm đào tạo linh mục mà tất cả các chủng sinh ứng viên linh mục đều phải học. Nếu chủng sinh muốn lấy văn bằng cử nhân thần học, thì sẽ phải học một số môn khác, chẳng hạn:

- Các cuộc hiện ra của Chúa Phục Sinh: vấn đề chú giải. Phép rửa trong các thư Phaolô (nghiên cứu thần học Kinh Thánh).
- Đức tin trong văn chương Gioan (nghiên cứu thần học Kinh Thánh).
- Luân lý của Tân Ước.
- Thư Rôma.
- Tập đoàn tính của giám mục và quyền ưu tiên của giáo hoàng (nguồn gốc vấn đề, triển khai hiện đại, các hệ quả thần học và mục vụ).

- Các lý thuyết hiện đại về tội nguyên tổ (trình bày và tổng hợp).
- Thần học “cái chết của Thiên Chúa” (nghiên cứu trực tiếp các tác giả tiêu biểu cho khuynh hướng này).
- Thần học về hoạt động truyền giáo.
- Thần học các tôn giáo ngoài Kitô giáo.⁴⁷

⁴⁷ Dựa theo bản đánh máy của Giáo Hoàng Học Viện thánh Piô X - Đà Lạt “Plan d’études de la faculté de théologie” và “Matières d’étude de la faculté de théologie.” Cf. Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 65.

PHẦN III: NHỮNG ĐIỀU KHÔNG THỂ THIẾU

Nói tới tri thức, là đã hàm chứa phải có lý trí và ngôn ngữ. Mỗi khoa học đều có những tiên đề (axiomes). Những tiên đề là những điều hiển nhiên, đơn giản đến độ không thể chứng minh được nữa; chẳng hạn nơi hình học có tiên đề “đường thẳng là đường ngắn nhất giữa hai điểm.”

Từ những tiên đề này người ta đi tới những tri thức chắc chắn khác có thể chứng minh được dựa trên các tiên đề⁴⁸ và những định nghĩa.⁴⁹

Đâu là tiên đề của triết học? Đó là:

Có một tương quan hữu cơ nội tại giữa các hữu thể.

⁴⁸ Định đề, công lý, là những điều không thể chứng minh.

⁴⁹ Từ những tiên đề khác nhau, người ta có thể xây dựng những hệ thống khác nhau. Chẳng hạn, về hình học có hệ thống hình học phẳng của Euclide và hệ thống hình học cong của Riemann; về quang học, thuyết Hạt Tử giả thiết ánh sáng truyền theo đường thẳng, và giải thích hiện tượng quang điện; còn thuyết Ba Động giả thiết ánh sáng truyền theo làn sóng và giải thích được hiện tượng giao thoa của ánh sáng.

Đây là điều kiện nền tảng, là giả sử cơ bản của mọi khoa học vì triết học là khoa học nền tảng của mọi khoa học.⁵⁰ Nếu phủ nhận tương quan hữu thể này, là phủ nhận mọi tương quan nhân quả giữa hữu thể, giữa vạn sự vạn vật.

Mỗi hệ thống triết học lại có những tiên đề của nó, dù nó có được minh nhiên nói tới hay không. Chẳng hạn triết của Karl Marx chủ trương duy vật, phủ nhận tinh thần, và như vậy tiên thiên phủ nhận tương quan hữu hạn - vô biên, phủ nhận khả năng đọc được cái vô biên siêu việt nơi những cái cụ thể, đưa tới vô thần. Triết học Aristote-Thomas, chấp nhận tri thức phổ quát có được nhờ tri thức những vật cụ thể đặc thù bằng khả năng trừu xuất của lý trí, và như vậy dễ đi đến chấp nhận hữu thể tuyệt đối.

Những tiên đề của các khoa học và những tiên đề của triết học, liệu có thể gọi được là những niềm tin khoa học và niềm tin triết học không?⁵¹

Hành vi tin đúng nghĩa, không là tin vào sự vật hay điều gì đó, mà là tin vào ngôi vị. Tin là thái độ của ngôi vị đối với ngôi vị. Tiên đề khoa học là

⁵⁰ G. Soehngen, art. "La Sagesse de la théologie par la voie de la Science", trong *Mysterium Salutis*, t. I, vol. 4, p. 212.

⁵¹ Xem Phạm Thanh Liêm S.J., *Sẽ Sống Nếu Bạn Tin*, phần 1.

những điều mà nhiều người cho là đúng; và như vậy có thể nói, những người chấp nhận những tiên đề đó, tin vào chính mình, họ cho rằng ý kiến hay cái nhìn của họ là đúng, là chân lý. Hiểu như vậy, có thể cho rằng các tiên đề khoa học và triết học là niềm tin khoa học và triết học.

Tiên đề của thần học là những tín điều, là mạc khải của Thiên Chúa cho con người được Huấn Quyền giải thích, là đối tượng tin của dân Chúa. Không chấp nhận điều này, không có khoa học thần học.⁵²

A. MẠC KHẢI - ĐỨC TIN - HUẤN QUYỀN

Thần học là khoa học về Thiên Chúa, là hệ thống tri thức về ngôi vị sống động và tự do. Những chân lý được mạc khải cho con người về Thiên Chúa ngôi vị, giúp con người hiểu Thiên Chúa trong mức độ nào đó.

Để hiểu hơn về một ngôi vị, ngay cả ngôi vị đó là con người, chúng ta cần tình yêu và đức tin; cũng vậy, để trở thành thần học gia chân chính, người ta không chỉ đơn thuần phải chấp nhận như chân

⁵² G. Soehngen, art. "La sagesse de la théologie par la voie de la science", trong MYSTERTUM SALUTIS, t. I, vol. 4, p. 212.

lý, điều Kinh Thánh dạy và Huấn Quyền giải thích, nhưng chính yếu người ta phải tin yêu Thiên Chúa ngôi vị, thực tại sống động. Chính Thiên Chúa ngôi vị là đối tượng thần học, chứ không phải những chân lý “tĩnh” và “chết.”

1. Mạc khải

Thần lý học (théodicée) khởi từ những dữ kiện tự nhiên để nhận biết sự hiện hữu và những phẩm tính của Thiên Chúa, còn thần học khởi từ mạc khải để biết Thiên Chúa; thần lý học cung cấp những tri thức về Thiên Chúa nhưng chúng giới hạn vì chỉ tựa vào lý trí, còn thần học tựa vào mạc khải nên giúp hiểu rõ hơn về Thiên Chúa như Thiên Chúa ngôi vị, Đáng luôn yêu thương và muốn cứu độ con người.

Có thể hiểu biết về một người qua dáng vẻ cử chỉ của người đó, nhưng nếu được người đó tỏ lộ tâm tình thì sẽ hiểu người đó sâu xa và chắc chắn hơn; cũng tương tự vậy với thần lý học và thần học. Mỗi ngôi vị là một màu nhiệm, và nếu không được ngôi vị đó mạc khải, người ta khó có thể hiểu biết sâu xa và chính xác về ngôi vị đó.

Thần học là những tri thức có hệ thống về Thiên Chúa. Thần học có nguồn gốc là Thiên Chúa và có

điểm tới cũng là Thiên Chúa, nên thần học giúp con người biết và sống với Thiên Chúa. Thiên Chúa tự tỏ lộ mình cho con người qua mặc khải, và chỉ trong tương quan tình yêu giữa ngôi vị, con người mới hiểu biết đúng đắn về Thiên Chúa thôi.

Mặc khải với những biến cố và lời giải thích, là những dữ kiện của thần học, và hơn nữa là quy phạm của thần học, là những tri thức mà thần học phải quy chiếu về và lấy nó làm mẫu mực.

2. Đức tin

Thần học không chỉ là một công trình của con người dùng lý trí suy tư trên những chất liệu được coi là mặc khải, nhưng chính yếu, thần học là khoa học đức tin. Thần học, đòi những người suy tư phải tin.

Nếu không có đức tin, người ta có thể nghiên cứu về Kitô giáo, về niềm tin của những Kitô hữu, về những tín điều của đạo một cách khoa học, nhưng như vậy chưa phải là thần học mà chỉ là cái học của con người nghiên cứu về cái gọi là thực tại siêu nhiên.⁵³

⁵³ E. Schillebeeckx, *Approches théologiques*, p. 89.
Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 42.

Không có đức tin, không thể có thần học đúng nghĩa. Hiểu như vậy những người lạc giáo cố tình⁵⁴ không thể là những thần học gia đúng nghĩa được.⁵⁵

Theo thánh Thomas, “lạc giáo là người, dù chỉ từ chối không tin một điều khoản của đức tin, thì họ cũng không có thái độ đúng đắn của đức tin, dù là đức tin trưởng thành hay đức tin còn lơ mờ. Những điều khoản khác của đức tin mà họ không sai lầm thì họ không nhìn như những tín hữu đích thực nhìn, tức là thái độ gắn bó với Chân Lý tuyệt đối. Người lạc giáo chấp nhận những tín điều, vì những điều này hợp với ý muốn và phán đoán riêng của họ.”⁵⁶

Nơi những người lạc giáo cố tình, không có sự chắc chắn tuyệt đối của đức tin - sự chắc chắn vì được đặt nền trên uy quyền của Thiên Chúa và ân sủng của Ngài, mà chỉ có sự chắc chắn của một ý kiến cá nhân, một phán đoán nhân loại. Công trình của người lạc giáo nghiên cứu thần học, là công trình hệ thống hóa những điều được chấp nhận là đúng⁵⁷.

⁵⁴ Lạc giáo hình thể: hérétique formel.

⁵⁵ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 42.

⁵⁶ St. Thomas, *S.T. IIa IIae*, q. 5, a.3, c et ad 1.

cf. Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 42.

⁵⁷ Ibidem.

Trong đức tin, con người nhận biết Thiên Chúa và hiểu được những điều Thiên Chúa muốn tỏ lộ cho con người. Trong đức tin, những suy tư của con người về Thiên Chúa và về những biến cố mặc khải trở thành thần học, bởi vì trong đức tin, những suy tư này trở thành sống động trong thực thể sống là Hội Thánh, chứ không phải là những ngôn từ chết không ý nghĩa. Trong đức tin, thần học giúp con người tiếp cận, vươn tới và gặp gỡ Thiên Chúa ngôi vị như là Đấng đang tỏ lộ và gặp gỡ con người. Chỉ với đức tin, con người mới trở thành thần học gia đúng nghĩa.

Đức tin vào Thiên Chúa ngôi vị mặc khải trong dòng lịch sử, được biểu lộ cụ thể qua việc vâng phục huấn quyền Hội Thánh.

3. Huấn quyền

Thiên Chúa muốn cho tất cả mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý (1Tm 2:4). Ngài đã chọn một số những người đặc biệt để mặc khải, để họ loan truyền sứ điệp mặc khải đến toàn dân Israel, như Abraham, Môsê, các thẩm phán, các tiên tri v. v.; cũng vậy Thiên Chúa dùng một số người đặc biệt để loan truyền và bảo toàn mặc khải đã được thực hiện trong dòng lịch sử, đó là Giáo Hội giáo huấn.

Huấn quyền không ở trên mặc khải, nhưng phục vụ mặc khải. Dưới sự hướng dẫn của Thánh Thần, Huấn Quyền được trao trọng trách giải thích mặc khải và bảo vệ mặc khải cho nguyên vẹn.

Trọng trách lưu truyền và bảo vệ mặc khải đã được trao cho tập đoàn tông đồ và những người kế thừa các Ngài, đó là tập đoàn giám mục và đặc biệt thủ lãnh giám mục đoàn là giám mục Rôma kế vị Phêrô (Mt 16:17-19; 28:18-20).

Với cùng dữ kiện mặc khải, con người có thể có những cái nhìn khác nhau, và thậm chí đôi khi còn đối nghịch nhau.⁵⁸ Vì thế Huấn Quyền được trao trách vụ bảo toàn và lưu truyền mặc khải.

Thần học cũng là công trình của con người, và trong mức độ biểu lộ và diễn tả niềm tin của dân Chúa mà thần học là công trình của Giáo Hội toàn thể. Vì vậy, thần học chỉ là thần học đúng nghĩa khi thần học phản ánh niềm tin của dân Chúa, được biểu hiện cụ thể qua phán đoán chính thức của Huấn Quyền. Đi ngược với niềm tin của dân Chúa và giáo huấn của Huấn Quyền, là không hiệp thông với Hội Thánh, và nếu vậy không thể biết Thiên Chúa cách đúng đắn và chính xác được, và như vậy không thể là thần học đúng nghĩa được.

⁵⁸ Có thể do những thúc đẩy lệch lạc nơi con người.

Tin vào Thiên Chúa mặc khải trong dòng lịch sử, hiệp thông với những người tin, được diễn tả cụ thể qua việc thông hiệp với Huân Quyền, là những điều không thể thiếu nơi những người làm công tác thần học. Ba điều này không chỉ đơn thuần là những tiên đề của thần học, nhưng nó làm cho thần học là thần học, là khoa học về những ngôi vị thần linh đích thực. Thiếu một trong ba yếu tố trên, không là thần học đích thực.

B. LÝ TRÍ

Không có lý trí thì không có tri thức, không có khoa học.

Aristote coi khoa học như những tri thức chắc chắn và có thể suy diễn được. Mức độ đầu tiên, khoa học là vật lý hay triết lý về vũ trụ (vũ trụ luận); mức độ thứ hai, là số học và hình học; và mức độ thứ ba, là siêu hình học.⁵⁹ Khoa học là những tri thức chắc chắn và có giá trị với mọi thời đại, vì khoa học được xây dựng khởi từ những điều hiển nhiên nhất;⁶⁰ khoa học có tính diễn dịch, vì khoa học có

⁵⁹ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 48 ghi chú 1.

⁶⁰ nhưng không thể chứng minh được (ở đây hiểu là những tiên đề).

thể liên kết các hệ quả của nó với những nguyên tắc phổ quát.⁶¹

Ngày nay, người ta coi khoa học là **những tri thức có hệ thống** và có **phương pháp nghiên cứu** riêng về một đối tượng nào đó.⁶² Như vậy, thần học thỏa mãn những điều kiện để là một khoa học.

Với những khoa học khác, lý trí có giá trị độc tôn và tuyệt đối; nhưng đối với khoa thần học, lý trí có giá trị và chỗ đứng đặc biệt của nó: nó được ánh sáng đức tin soi chiếu và dẫn dắt.

Người suy tư thần học chấp nhận những điều Thiên Chúa mặc khải là chân lý; chức năng của lý trí là tìm kiếm và đào sâu, trình bày chân lý mặc khải cho người ngày nay hiểu biết và chấp nhận cách dễ dàng hơn. Chính đức tin vào Thiên Chúa ngôi vị đã làm cho các tín hữu chấp nhận những điều Thiên Chúa mặc khải là chân lý. Đức tin và lý trí không mâu thuẫn hoặc đối kháng nhau, vì đức tin có đối tượng là ngôi vị, và đối tượng của lý trí có tính phi ngôi vị. Với tình yêu và lòng tin, con người hiểu biết và thông cảm nhau hơn là chỉ dùng lý trí để suy đoán.

⁶¹ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 48.

⁶² Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 51.

Điểm tới của thần học, là hiểu biết Thiên Chúa ngôi vị - Đấng mà chúng ta tin, chứ không phải là hiểu biết những biến cố này nọ; những biến cố đó thuộc lãnh vực của khoa học tự nhiên hoặc nhân văn chứ không thuộc phạm vi của thần học; nếu thần học đề cập đến những biến cố, thì những biến cố này là những biến cố siêu việt, có tính mặc khải, giúp chúng ta vượt qua những biến cố để đi tới với Thiên Chúa: thần học không dừng ở những biến cố tự nhiên, mà vươn lên tới Thiên Chúa ngôi vị.

Khi nào thần học chỉ dừng lại cái biết “sự vật” hay cái biết tĩnh phi ngôi vị, thì lúc đó thần học là thần học “chết”, hay đúng hơn nó không còn là thần học nữa; lúc đó, nó cũng chỉ ngang tầm với các khoa học tự nhiên hoặc nhân văn xã hội thôi; lúc đó nó không giúp con người gặp Thiên Chúa ngôi vị nữa, và không chừng nó còn cản người ta gặp gỡ Thiên Chúa nữa nếu nó làm người ta chỉ có tham vọng biết những khái niệm và phạm trù về Thiên Chúa để nói, chứ không còn ao ước gặp gỡ Thiên Chúa ngôi vị nữa; lúc đó thần học chỉ đơn thuần là lời con người về Thiên Chúa, các tín điều chỉ là những điều được chấp nhận là đúng, như những tiên đề của mọi khoa học khác, chứ không còn là lời diễn tả mặc khải của Thiên Chúa nữa.

Chỉ với đức tin và trong đức tin, thần học mới thực sự là thần học.

Trong thần học, lý trí vẫn thực thi chức năng của nó như trong mọi khoa học tự nhiên. Thần học vẫn tuân theo tất cả các quy luật lý luận, cùng những đòi hỏi của một khoa học về phương pháp, hệ thống.

Thần học cho thấy sự kiện “Thiên Chúa Mặc Khải Trong Lịch Sử Và Qua Lịch Sử” và sự kiện “Giáo Hội Như Kho Tàng Và Trung Gian Của Lời Mặc Khải Trong Dòng Thời Gian”, là khả tín. Thần học cho thấy các chân lý mặc khải **không phải là** điều không có thể hoặc vô nghĩa, nhưng là điều khả tri. Thần học giúp hiểu biết các mầu nhiệm mặc khải sâu xa hơn.⁶³

Trong thần học khi nói lý trí được đức tin soi dẫn, không có nghĩa đánh giá thấp lý trí.

Có nhiều người cho rằng lý trí độc lập với tất cả, và không chỉ thế, mà còn điều khiển cả ý chí; điều này được xác chuẩn khi người ta biết câu “voluntas sequitur intellectum” rất thịnh hành nơi triết gia Kitô giáo thời trung cổ. Thực ra vấn đề không đơn thuần như vậy, Đức Phật đã nhận thấy lý trí bị mê lầm; và

⁶³ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 44 cf. DZ 3016.

vào thế kỷ XX này, Sigmund Freud cho thấy cách thức tinh vi mà lý trí bị tư lợi hủ hóa từ nơi sâu thẳm của vô thức.

Theo Freud sự chọn lựa của một người tác động đến suy nghĩ của họ, và sau đó những lý luận - được điều khiển theo chiều hướng này, biện minh cho sự chọn lựa theo tư lợi của họ.

Như vậy không phải lúc nào ý muốn cũng đi sau lý trí (*voluntas sequitur intellectum*), nhưng nó thường đi trước và ra lệnh cho lý trí.⁶⁴ Trong chiều hướng này, có thể coi triết thuyết duy vật và quan điểm về tri thức của Mars, là hậu quả của ý muốn phủ nhận Thiên Chúa.

C. NGÔN NGỮ

1. Ngôn ngữ và thực tại

Hiện hữu một tương quan giữa hữu thể - lý trí - ngôn ngữ, là điều kiện hay tiên đề nền tảng để có tri thức và khoa học. Tương quan hữu thể này, hàm chứa nguyên nhân nhân quả, hàm chứa lý trí có khả năng nhận biết tương quan giữa hữu thể với nhau,

⁶⁴ Aloysius Pieris, *Một hướng thần học giải phóng Á châu*, Orbis Books 1988. Bản dịch được in bởi UBĐKCGVN tp. HCM. 1989, pp. 57-58.

hàm chứa lời có thể diễn tả phần nào được hữu thể. Bây giờ chúng ta xét tương quan giữa ngôn ngữ và Thiên Chúa như đối tượng của thần học.

2. Loại suy

Thần học là những lời (logia) về Thiên Chúa (θεος); nhưng lời về Thiên Chúa đâu có đồng nhất với Thiên Chúa. Chúng chỉ có tính dấu chỉ và loại suy.

R. Latourelle khẳng định “Đức Kitô có hai bản tính nhưng chỉ là một ngôi vị”, các thần học gia cho rằng những từ ngữ này phản ánh thực tại một cách tuyệt đối chắc chắn; và vì vậy họ nghiên cứu tìm kiếm để hiểu thực tại.⁶⁵

Mọi người đều nhất trí rằng giữa thực tại và ngôn ngữ có sự tương hợp nào đó, và ngôn ngữ không hoàn toàn đồng nhất với thực tại được đề cập tới. Theo truyền thống Đông phương, ngôn ngữ chỉ là phương tiện để chuyển ý. Ta phải cố gắng lãnh hội được ý người ta muốn diễn tả, đừng quá nô lệ vào từ ngữ. “Bè để qua sông, qua sông hãy bỏ bè”, “lời để chuyển ý, được ý hãy quên lời”, “ngón tay chỉ mặt trăng, phải nhìn hướng ngón tay chỉ chứ đừng nhìn ngón tay.”

⁶⁵ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 41.

Ngày nay nhiều người đồng ý rằng, ngôn ngữ không chỉ là quy ước, nhưng còn là biểu tượng nữa. Trong ngôn ngữ có những từ ngữ biểu tượng, có những phép ẩn dụ, v.v. Ngôn ngữ thần học diễn tả Thực Tại Sống Động là Thiên Chúa ngôi vị, nhưng ngôn ngữ thần học cũng giới hạn như chính người suy tư thần học. Ngôn ngữ không thể diễn đạt hoàn toàn được Thực Tại sống động là Thiên Chúa, nên ngôn ngữ thần học thường mang tính ẩn dụ hoặc loại suy.⁶⁶

“Đức Giêsu là Con Thiên Chúa.” Từ ngữ “con” nơi loài người chỉ một người được sinh bởi một người khác, có sau người sinh ra họ; nhưng theo đức tin Kitô, Ngôi Lời không hiện hữu sau Thiên Chúa mà lại có từ trước vô cùng với Thiên Chúa.

Khi nói “Thiên Chúa là tình yêu” hoặc khi đề cập đến “sự công chính của Thiên Chúa”, thánh Gioan và thánh Phaolô không hiểu từ ngữ “tình yêu” và “công chính” theo nghĩa đen hay nghĩa bóng mà hiểu theo nghĩa loại suy: Thiên Chúa là một cách tuyệt hảo những gì được gọi là “tình yêu” và “công chính” nơi con người.⁶⁷

⁶⁶ cf. G. Soehngen, art. cit., trong *Mysterium Salutis*, t. I, vol. 4, p. 188.

⁶⁷ G. Soehngen, art. cit., p. 189.

Theo Aristote, cách diễn tả loại suy hàm chứa cách diễn tả ẩn dụ (métaphore) nhưng cách diễn tả ẩn dụ không hàm chứa cách diễn tả loại suy. Loại suy và ẩn dụ là hai cách diễn tả liên hệ với nhau, nhưng không tương đương với nhau.⁶⁸

3. Loại suy đức tin

Trong siêu hình và thần học, người ta còn phân biệt loại suy hữu thể (analogia entis) và loại suy đức tin (analogia fidei). Theo R. Latourelle, thần học gia Tin Lành Karl Barth đối kháng giữa loại suy hữu thể và loại suy đức tin, nhưng Karl Barth không trung thành với quan điểm của ông.⁶⁹ Theo quan điểm Công Giáo, loại suy đức tin là loại suy hữu thể được dùng trong lãnh vực các màu nhiệm, và nó phải quy hướng về đức tin và theo quy luật của đức tin.⁷⁰

Trong phần này chúng ta đã thấy ngôn ngữ và lý trí là những yếu tố cấu thành của mỗi khoa học. Trong thần học, ngôn ngữ thường được dùng là ngôn ngữ loại suy. Lý trí vẫn dùng tất cả kỹ năng lý luận để vươn tới Sự thật, nhưng lý trí vẫn có vị thế

⁶⁸ G. Soehngen, art. cit., p. 188-189.

⁶⁹ G. Soehngen, art. cit., p. 191.

⁷⁰ Ibidem.

rất đặc biệt trong thần học: lý trí được đức tin soi sáng và hướng dẫn.

Nếu chỉ chấp nhận “những-điều-được-gọi-là-mặc-khải-và-được-Huấn-Quyền-giải-thích là chân lý”, rồi từ đó người ta suy luận để làm thành một công trình, thì công trình đó không là thần học đúng nghĩa. Để làm thần học, người suy tư thần học phải có đức tin; chính đức tin hướng dẫn lý trí và giúp con người gặp Thiên Chúa như đối tượng của thần học.

PHẦN IV: PHƯƠNG PHÁP THẦN HỌC

Theo R. Latourelle, phương pháp của mỗi khoa học được xác định từ đối tượng và mục đích của nó.

Đối tượng của thần học là Thiên Chúa và chương trình cứu độ của Ngài. Mục đích của thần học là hiểu biết Thiên Chúa và chương trình cứu độ con người, nhằm dẫn đưa con người đến sống thiết thân với Ngài.

Phương pháp thần học bao hàm hai thời chính:

- thứ nhất, xác định đối tượng tin. Đây là thần học với chức năng tích cực (fonction positive);
- thứ hai, tìm hiểu biết đối tượng tin. Đây là thần học với chức năng suy lý (fonction spéculative).

Một số người còn gọi thần học với chức năng tích cực là thần học tích cực hay thần học lịch sử (théologie historique), và thần học với chức năng suy lý là thần học hệ thống (théologie

systematique). Một số khác coi thần học gồm phần tín lý⁷¹ (partie dogmatique) và phần hệ thống (partie systematique).

Tích cực và suy lý, tín lý và hệ thống, là hai chức năng chính của thần học;⁷² nhưng theo Y. Congar, thần học còn có một chức năng khác nữa, đó là biện minh bảo vệ mà ngày nay người ta gọi là thần học căn bản.⁷³

Trong phần này chúng ta sẽ đề cập đến ba chức năng⁷⁴ tích cực, hộ giáo và suy lý của thần học.

⁷¹ Phần tín lý gồm lời dạy của Kinh Thánh, Giáo Phụ, Huấn Quyền.

⁷² Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 65-66.

⁷³ Thần học căn bản có hai nghĩa, hoặc nó được dùng để chỉ chức năng hộ giáo - bảo vệ hay biện minh, hoặc nó được dùng để chỉ một phần của thần học gồm các môn Mạc Khải, Đức Tin xét như lời đáp của con người với mạc khải, Huấn Quyền.

Cf. Claude Geffré, art. "L'histoire récente de la théologie fondamentale", trong *Concilium* 46 (1969), p. 11.

cf. *Dictionnaire de la Foi Chrétienne*, I, Paris 1968, col. 769.

cf. Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 105 note 2.

cf. Y. Congar, *La foi et la théologie*, p. 183.

⁷⁴ Ba chức năng của thần học này còn thường được gọi là thần học tích cực, thần học căn bản, và thần học suy lý.

A. THẦN HỌC TÍCH CỰC

Thần học tích cực thu lượm và hệ thống hóa những dữ kiện mặc khải - tiềm ẩn hoặc minh nhiên trong Kinh Thánh, Truyền Thống và Huấn Quyền.⁷⁵

Thần học tích cực nghiên cứu cách thức Thiên Chúa mặc khải cho con người, cách thức Ngài làm cho con người cảm nghiệm hữu thể thần linh của Ngài, cũng như ý nghĩa của những hành động Ngài thực hiện trong dòng lịch sử. Vì thế thần học tích cực nghiên cứu tương quan của Thiên Chúa với dân Israel, cũng như việc tỏ lộ của Ngài nơi Đức Giêsu Kitô và nơi các chứng từ tông đồ.

Thần học tích cực tìm xác định điều Thiên Chúa mặc khải, dù rõ ràng hay ẩn tàng. Thực vậy, những tín điều “thần tính của Đức Kitô”, “Đức Kitô có hai bản tính”, “Đức Maria vô nhiễm nguyên tội”, “Đức Maria lên trời cả hồn lẫn xác”, đâu có cùng một mức độ rõ ràng như nhau!

Thần học tích cực nghiên cứu xem mặc khải tiến bộ như thế nào trong lịch sử, từ đầu cho tới thời đại các tông đồ.

⁷⁵ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 83. 69.
cf. Y. Congar, art. “Théologie”, trong *DTC XV*, 1: 462.

Thần học tích cực phải xác định đâu là điều Huấn Quyền đã đề nghị, đề nghị cách minh nhiên hay ẩn tàng, với uy quyền nào Huấn Quyền đã đề nghị điều đó - thường huấn hay đặc huấn (magistère ordinaire or extraordinaire).

Thần học tích cực cố gắng cho thấy trọn vẹn lịch sử đối tượng đức tin trong toàn bộ mặc khải, trong việc lưu truyền mặc khải và tất cả các hình thức diễn tả đức tin.

Thần học tích cực là khoa học về nội dung mặc khải, cho biết dữ kiện mặc khải trong toàn bộ một cách khoa học, có phương pháp và thấu đáo cặn kẽ⁷⁶.

Thần học tích cực cũng phải cho thấy rằng có sự liên tục giữa lời giảng dạy hiện tại của Giáo Hội và sứ điệp của Giáo Hội tiên khởi. Điều ngày nay Giáo Hội giảng dạy cũng chính là điều Giáo Hội tiên khởi đã giảng dạy.⁷⁷

Thần học tích cực nghiên cứu ba lãnh vực, Kinh Thánh, Truyền Thống và giáo huấn Huấn Quyền. Cả ba lãnh vực này tạo thành cái mà người ta gọi là các nguồn thần học hay cái nôi thần học.

⁷⁶ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 70-71.

⁷⁷ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 75-76.

Thần học phải dựa vào đó để nhận biết mặc khải với tất cả sự phong phú và đa dạng.⁷⁸

Thần học tích cực “Kinh Thánh” dựa vào chú giải; thần học tích cực “truyền thống” dựa trên chứng từ của các giáo phụ, của các tiến sĩ Giáo Hội, của các thần học gia, của phụng vụ, của lịch sử Giáo Hội, cũng như đời sống đức tin hiện tại của dân Chúa.

Các giáo phụ là những người sống thời xưa, vào khoảng thế kỷ VII ở Tây phương và thế kỷ VIII ở Đông Phương về trước, trở trang trong giáo huấn chính thống cũng như về đời sống thánh thiện, được sự phê chuẩn của Giáo Hội cách minh nhiên hoặc ẩn tàng. Nếu thiếu một trong những yếu tố này thì không thể được coi là giáo phụ, mà chỉ được coi là những văn sĩ trong Giáo Hội, như Origène và Tertullien.

Các tiến sĩ Hội Thánh là những người không chỉ trở trang trong đời sống thánh thiện, mà còn trở vượt trong việc giáo huấn và củng cố giáo lý trong Giáo Hội, được sự phê chuẩn đặc biệt của huấn quyền. Họ được coi là những vị thầy đích thực trong đức tin Kitô giáo.

⁷⁸ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 72.

Thần học tích cực “Huấn quyền” nghiên cứu những tuyên bố và giáo huấn của Huấn quyền được diễn tả dưới mọi hình thức, nhằm biết đức tin của Giáo Hội được diễn tả qua Huấn Quyền.⁷⁹

Người ta cũng nghiên cứu trên những gì các nhà thần học nói, bởi vì nếu tất cả những nhà thần học đều nhất trí về một điểm nào đó, thì cũng **có thể** coi điều đó thuộc đối tượng phải tin.

Nghiên cứu trên phụng vụ cũng giúp xác định đối tượng tin, vì “Lex orandi, lex credendi.”

Lịch sử Giáo Hội cũng giúp xác định và hiểu những điều phải tin cách đúng đắn. Người ta cũng phải nghiên cứu để thấy dân Chúa trong lịch sử đã tả diễn đức tin như thế nào, và hiện tại diễn tả ra sao. Các phạm trù thần học như mặc khải, truyền thống, linh ứng, ân sủng, bí tích, bản tính, ngôi vị, siêu nhiên, mầu nhiệm v.v., đều được hình thành trong dòng thời gian với những hoàn cảnh lịch sử và văn chương nhất định.⁸⁰

Thần học tích cực sử dụng cả khoa ngôn ngữ học lẫn khoa lịch sử, nhưng sử dụng chúng trong viễn cảnh đức tin. Thần học tích cực cũng xem

⁷⁹ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, pp. 72-75.

⁸⁰ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, pp. 74-75. 95.

Cựu Ước và Tân Ước là những sách được linh ứng, và coi các tác giả được linh ứng là những chứng nhân của Thiên Chúa. Lý trí của thần học tích cực được đức tin soi sáng và được hướng dẫn bởi Huấn quyền.⁸¹

Thần học tích cực thường theo tiến trình hồi cố (régressive) hoặc phát sinh (génétique). Được gọi là tiến trình hồi cố vì nó khởi từ giáo huấn hiện tại của Giáo Hội để đi lần lên ngọn nguồn của giáo huấn này. Có thể xảy ra trường hợp ở ngọn nguồn này, giáo huấn ấy còn mù mờ. Như vậy, tiến trình hồi cố khởi từ cái rõ ràng hiện tại, được diễn tả trong giáo huấn bình thường hoặc đặc biệt của Giáo Hội, và đi lần lên nền tảng của giáo huấn này.⁸²

Tiến trình phát sinh (génétique) khởi từ mặc khải, và sử dụng những dữ kiện cùng phương pháp phê bình văn chương hoặc lịch sử để xác định bản văn và ý nghĩa của nó - như nó là trong hoàn cảnh xã hội, văn hóa và tôn giáo thời đó. Thần học tích cực theo tiến trình phát sinh tìm cách vẽ lại lịch sử mặc khải đã xảy ra trong quá khứ, từng giai đoạn một, và cố không bị thành kiến bởi giáo huấn hiện

⁸¹ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 77.

⁸² Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 78.

tại của Giáo Hội chi phối. Nó cũng cho thấy các chủ đề Kinh Thánh phát triển và hòa hợp như thế nào trong dòng thời gian. Nếu xảy ra trường hợp kết luận của công trình nghiên cứu trái với giáo huấn chính thức của Huấn Quyền, thì nhà thần học phải tìm một giải đáp cho sự bất tương hợp này bằng việc nghiên cứu lại bản văn cách kỹ lưỡng và sâu xa hơn. Kết quả của những phân tích và nhận định, không là những sáng kiến hay do các nhà thần học tích cực tưởng tượng ra, mà nó thực sự phải có nguồn gốc hoặc tiềm ẩn hoặc minh nhiên nơi các bản văn.⁸³

Thần học nguồn⁸⁴ theo hai tiến trình hồi cố và phát sinh, đều được tiến hành dưới sự hướng dẫn bởi đức tin. Hai tiến trình “hồi cố” và “phát sinh”, tuy trái ngược nhau nhưng không hoàn toàn độc lập với nhau.⁸⁵

Đây là vài tác phẩm thu tập những tài liệu nguồn, mà những sinh viên thần học thường sử dụng:

DENZINGER, *Enchiridion Symbolorum
Definitionum Et Declarationum*

⁸³ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 79-80.

⁸⁴ Thần học tích cực, nghiên cứu suy tư trên các tài liệu căn bản và nguồn gốc của thần học.

⁸⁵ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 81.

ROUET DE JOURNEL, *Enchiridion Patristicum*
 ARNODO, *Enchiridion Biblicum*

v.v..⁸⁶

B. THẦN HỌC CĂN BẢN

Thần học căn bản, theo Karl Rahner, là một yếu tố của thần học tín lý. Thần học căn bản phải cho thấy tính khả tín của sự kiện mặc khải trong lịch sử; thần học tín lý phải cho thấy tính khả tín của nội dung mặc khải. Cả hai khía cạnh này đòi hỏi và bổ túc lẫn nhau.⁸⁷

Chức năng phê bình và biện minh của thần học căn bản phải được thực hiện trong mọi giáo trình tín lý. Thần học càng ảnh hưởng khoa chú giải (herméneutique) thì càng không có sự phân biệt giữa thần học căn bản và thần học tín lý.⁸⁸

Sở dĩ chức năng phê bình và biện minh được đề nghị thực hiện trong mỗi giáo trình tín lý theo

⁸⁶ Về việc sử dụng DENZINGER, xin xem Y. Congar, *Situation et taches présentes de la Théologie*, Cerf 1967, pp. 111-134.

⁸⁷ K. Rahner, "A propos de la réforme des études ecclésiastiques," trong *Est-il possible aujourd'hui de croire*, p. 202.

⁸⁸ Claude Geffré, art. cit, trong *Concilium* 46, p. 21
 cf. K. Rahner, "Théologie et anthropologie" trong *Théologie d'aujourd'hui et de demain*, Paris 1967, pp. 100-101. 115. 116
 (The Word in History, New York).

gợi ý của Karl Rahner, vì làm sao có thể thiết lập sự kiện mặc khải mà không để ý tới nội dung mặc khải?⁸⁹ Karl Rahner đã phê bình cách thức suy nghĩ về thần học căn bản trong quá khứ, và cho rằng, cùng cách suy nghĩ và nội dung giảng dạy đó ngày nay không còn hợp thời nữa⁹⁰. K. Rahner khẳng định, thần học căn bản rất cần thiết và phải tồn tại.⁹¹

R. Latourelle gọi điều K. Rahner chủ trương là tín lý căn bản (dogmatique fondamentale, de caractère synthétique et existentiel), mang tính tổng hợp và hiện sinh,⁹² còn Y. Congar gọi nó là tín lý hình thể (dogmatique formelle), nó triển khai nhân học siêu việt, nghĩa là, nghiên cứu những điều kiện tiên thiên, và chỉ với những điều kiện tiên thiên này mới có thể có mặc khải và đức tin.⁹³ Theo R. Latourelle, không được làm lẫn thần học căn bản như K. Rahner

⁸⁹ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 103.

cf. R. Rahner, "A propos de la Réforme des études ecclésiastiques", trong *Est-il possible aujourd'hui de croire*, Paris 1966, p. 203.

⁹⁰ K. Rahner, art. cit., p. 180.

⁹¹ K. Rahner, art. cit., p. 180.

⁹² Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 105 note 2

cf. K. Rahner, art. cit., p. 175-225.

⁹³ Y. Congar, *Situation et tâches présentes de la théologie*, Cerf 1967, p. 19.

đề nghị ở trên với thần học căn bản vẫn được dùng theo nghĩa thường.⁹⁴

Thần học căn bản theo nghĩa thường dùng, chỉ giáo trình thần học nghiên cứu những thực tại đầu tiên và căn bản của Kitô giáo.⁹⁵ Thần học căn bản còn được dùng để chỉ năm thần học đầu tiên, các sinh viên tìm hiểu những khái niệm căn bản và những phạm trù đầu tiên của thần học, như mặc khải, linh ứng, đức tin, huân quyền, truyền thống v.v.⁹⁶

Khi tìm hiểu, suy tư về mặc khải và đức tin, thần học căn bản tìm hiểu những khái niệm và thực tại đó cách chủ quan lẫn khách quan theo tinh thần phê bình; và như vậy nó thực thi chức năng biện minh và hộ giáo, cùng đặt nền tảng khoa học cho thần học. Ngay trong năm đầu của thần học, sinh viên thần học đã phải có tinh thần phê bình và biện minh, và tinh thần này phải hiện diện trong mọi giáo trình thần học.

⁹⁴ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 105 note 2.

⁹⁵ *Ibidem*.

⁹⁶ *Ibidem*.

C. THẦN HỌC SUY LÝ

Thần học tích cực thu lượm và hệ thống hóa các dữ kiện mạc khải được chứa đựng trong Truyền Thống và Kinh Thánh, được Huấn Quyền giải thích; thần học căn bản biện minh và bảo vệ đức tin bằng việc phê bình; thần học suy lý nhằm hiểu biết Thiên Chúa, nhờ hệ thống hóa những hiểu biết về Thiên Chúa một cách khoa học, cũng như qua việc đánh giá những suy tư và những tổng hợp suy tư này.⁹⁷

Theo quan điểm của Aristote, khoa học là những tri thức chắc chắn và có thể diễn dịch. Như vậy ở thời trung cổ, khi nói đến thần học như một khoa học, là phải hiểu đây là thần học suy lý: diễn dịch, rút từ chân lý mạc khải ra những hệ luận chắc chắn. Thần học tích cực không có tính diễn dịch, nên ở thời trung cổ, thần học tích cực có chỗ đứng rất khiêm tốn.⁹⁸

Là một khoa học, thần học phải có tính chính xác và diễn dịch; nhưng những khái niệm được diễn tả trong Truyền Thống và Kinh Thánh thường là những phạm trù tiền khoa học với những hình ảnh biểu tượng, ẩn dụ; vì vậy để thần học là khoa

⁹⁷ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 86 tt.

⁹⁸ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 84.

học, thần học cố gắng xác định và định nghĩa những khái niệm nó dùng, nhằm diễn tả chính xác hơn ý nghĩa chân lý mặc khải; chẳng hạn thần học xác định ý nghĩa của từ ngữ Nước Trời, Con Người, Thân thể mầu nhiệm v.v., trong nghĩa nào Đức Kitô là Con Thiên Chúa; cũng tương tự như vậy thần học phải định nghĩa các từ ngữ bản tính, nhiệm xuất, sứ vụ, tương quan..., để có thể hiểu và diễn tả mầu nhiệm Ba Ngôi. Chính những công việc xác định ý nghĩa từ ngữ này giúp người ta hiểu đúng và không giải thích sai lạc những định tín.⁹⁹

Thần học suy lý cũng phải cho thấy tương quan liên hệ giữa các mầu nhiệm với nhau. Tất cả các mầu nhiệm đều khởi từ Thiên Chúa ngôi vị, và chỉ được hiểu cách đúng đắn trong mầu nhiệm Thiên Chúa. Cái nhìn đúng đắn về Thiên Chúa cho chúng ta cái nhìn đúng đắn về con người; mầu nhiệm con người được soi sáng bởi mầu nhiệm Thiên Chúa. Các mầu nhiệm không ở cùng một mức độ nhưng liên hệ với nhau, soi sáng giúp hiểu biết lẫn nhau.

Thần học với chức năng suy lý giúp đi sâu vào mầu nhiệm, nhất là mầu nhiệm Thiên Chúa;¹⁰⁰

⁹⁹ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, pp. 86-87. 95.

¹⁰⁰ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, pp. 86-89.

chẳng hạn để hiểu màu nhiệm Ba Ngôi hơn, chúng ta phải cho thấy rằng, trong nhiệm vụ cứu độ

- Chúa Cha đã tỏ mình đầu tiên trong công trình tạo dựng và trong việc nâng con người lên sống trong tình thân hữu với Thiên Chúa,
- Chúa Con thực hiện công trình cứu chuộc qua Nhập thể, Tử nạn và Phục sinh, và thiết lập Giáo Hội,
- Thánh Thần thánh hóa các linh hồn và thấu hợp tất cả trong thân thể màu nhiệm.¹⁰¹

Thần học suy lý xét như một khoa học, còn phải hệ thống hóa các tri thức về Thiên Chúa. Mỗi hệ thống hình thành bởi nguyên tắc được chọn theo từng trường phái, và như vậy có nhiều tổng hợp thần học; chẳng hạn thần học theo thánh Thomas chịu ảnh hưởng triết học Aristote, và có chiều kích qui thần (théocentrique), thần học rao giảng (théologie kérymatique) có tính quy Kitô, v.v.

Mỗi hệ thống thần học đều có chung điểm tới, là cố gắng tiếp cận và diễn đạt Màu Nhiệm Vĩnh Cửu Ngôi Vị. Mỗi hệ thống thần học hay mỗi tổng luận thần học đều có giới hạn riêng của nó, bởi vì

¹⁰¹ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 90.

- thần học là lời về Thiên Chúa, lời con người về Thiên Chúa. Mỗi ngôn ngữ có những giới hạn như khả năng giới hạn của con người, và như con người không bao giờ có thể hiểu trọn một ngôi vị, thì con người hữu hạn cũng không bao giờ có thể hiểu trọn Thiên Chúa ngôi vị, và con người cũng chẳng bao giờ có thể dùng ngôn ngữ con người để diễn đạt trọn vẹn Thiên Chúa được; nên ngôn ngữ thần học thường là ngôn ngữ loại suy;¹⁰²
- thần học có thể sử dụng những hệ thống triết học khác nhau, chẳng hạn triết học Aristote, triết Platon, triết hiện sinh v.v; hệ thống triết học cũng chỉ là phương tiện dùng để chuyển tải và diễn đạt Thực Tại;
- diễn tả Thiên Chúa theo não trạng và nền văn hóa khác nhau, chẳng hạn người Đông phương hay Tây phương;¹⁰³
- có những đích nhắm khác nhau, chẳng hạn khía cạnh cứu độ nơi thánh Bonaventura, khía cạnh chân lý nơi thánh Thomas.

¹⁰² Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, pp. 88-89.

¹⁰³ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 91.

Về các hệ thống thần học, chúng ta có thể nói đến hệ thống quy thần (systématisation théocentrique), quy Kitô (Christocentrique), quy giáo hội (ecclésiocentrique), hoặc quy nhân (anthropocentrique).¹⁰⁴ Mỗi hệ thống đều bàn về mọi vấn đề thần học, nhưng có điểm quy chiếu tùy theo điểm nhấn hoặc điểm gọi hứng của từng hệ thống: hoặc Thiên Chúa, hoặc Đức Kitô, hoặc Giáo Hội, hoặc con người.

¹⁰⁴ R. Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, Paris 1968, p. 32.

PHẦN V: CHIỀU KÍCH VÀ TRỰC CHÍNH CỦA THẦN HỌC NGÀY NAY

Thần học không đứng ngoài hay độc lập với tiến trình văn hóa của con người, nhưng trái lại nó ở trong và phản ánh tiến trình tư duy và nhận thức của con người trong thời đại đó.

Vào thế kỷ XVI, nhân bản thuyết (humanisme) đã ghi dấu ấn trên thần học; thế kỷ XVIII, thần học chịu ảnh hưởng bởi thuyết duy lý; thế kỷ XIX, thần học chịu ảnh hưởng bởi thuyết duy khoa học¹⁰⁵; còn ở thế kỷ XX này, dưới ảnh hưởng của triết lý hiện sinh và hiện tượng luận, thần học hướng về con người.¹⁰⁶

¹⁰⁵ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 241.

¹⁰⁶ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 243.

A. CHIỀU KÍCH QUY NHÂN

Cơ cấu quy nhân là cơ cấu tư duy của thời đại, và trong thần học cũng vậy. Chiều kích quy nhân (anthropocentrique) hiện diện khắp nơi trong mọi giáo trình thần học.

Với Kierkegaard, con người không chỉ là một đối tượng giữa những đối tượng khác, mà hơn nữa con người là trung tâm của tất cả, và là điểm quy chiếu. Như vậy mọi tri thức về Thiên Chúa đều phải có thông số là con người (khởi từ con người, theo kiểu con người, hướng về con người), kể cả những tri thức về Thiên Chúa có được do mặc khải. Không có tri thức về Thiên Chúa nào mà không hàm chứa một hiểu biết trước nào đó về con người.¹⁰⁷

Thần học kinh viện nỗ lực tìm sự hiểu biết màu nhiệm Thiên Chúa; thần học hiện nay do ảnh hưởng bởi nét hiện sinh và tính quy nhân của não trạng hiện tại, nỗ lực bày tỏ ý nghĩa của màu nhiệm đối với con người. Thần học hiện tại nghiên cứu các màu nhiệm không phải chỉ vì các màu nhiệm, mà còn vì ý nghĩa màu nhiệm ấy đối với con người.

¹⁰⁷ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 243.

Claude Geffré cũng thấy nơi K. Rahner và E. Schillebeeckx một ý tưởng tương tự.

Cf. Cl. Geffré, art. cit., trong *Concilium* 46 (1969), p. 22.

Cơ cấu quy nhân của thần học ngày nay được nhận thấy qua chiều kích ngôi vị, chiều kích lịch sử, chiều kích đối thoại, hiệp nhất và phục vụ của thần học. Khi lược qua các trực chính của thần học, chúng ta sẽ thấy rõ chiều kích quy nhân này hơn.

B. CÁC TRỰC CHÍNH

Theo R. Latourelle, các trực chính của thần học ngày nay là thần học Lời Chúa, Kitô học, Giáo Hội học, tương quan giữa Giáo Hội và thế giới, ân sủng và bí tích, cánh chung học¹⁰⁸. Cũng có thể thấy khẳng định trên ẩn tàng nơi công đồng chung Vatican II qua các hiến chế Dei Verbum, Lumen Gentium, Gaudium et Spes.¹⁰⁹

Thần học Lời Chúa cho thấy Thiên Chúa mặc khải cho con người trong lịch sử. Thiên Chúa mặc khải cho con người về chương trình cứu độ, mặc khải cho con người biết về chính mình, và mặc khải cho con người biết Thiên Chúa như là Thiên Chúa ngôi vị yêu thương.

Chỉ gọi là lịch sử, những hành vi hành động của ngôi vị. Như vậy có thể nói, tất cả mặc khải

¹⁰⁸ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, pp. 251-270.

¹⁰⁹ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 251.

của Thiên Chúa cho con người đều có tính lịch sử. Chính trong lịch sử và qua lịch sử, con người đón nhận mặc khải của Thiên Chúa; và cũng chính bằng hành vi đáp trả mặc khải, con người tạo ra lịch sử. Hai nhịp “tỏ mình - đáp trả” tạo thành lịch sử cứu độ.

Thần học về Đức Kitô (Kitô học), bao gồm cả giáo trình Nhập Thể và Cứu Độ Học, cho thấy Đức Kitô là ai. Ngài là Thiên Chúa ngôi vị (Ngôi Lời), là Thiên Chúa mặc khải, là chính Mặc Khải, là Con Đường đưa con người đến với Thiên Chúa, là trung gian tuyệt hảo và duy nhất để người ta kết hiệp với Thiên Chúa.

Vật chất đã được “hóa thánh” (thánh hóa) với biến cố Thiên Chúa nhập thể. Con người xét như ngôi vị, trong tương quan tình yêu với Thiên Chúa ngôi vị, hình thành chính mình trong lịch sử bằng những hành vi tự do của mình.

Đức Kitô là thần nhân. Khía cạnh quy nhân của Kitô học được thấy qua các vấn đề đức tin và tri thức của Đức Giêsu. Những hành vi hoạt động của Đức Giêsu trở thành lịch sử, và người ta đã có thể nói về “lịch sử của Thiên Chúa.”

Thần học về Giáo Hội hiện nay mang chiều kích Ba ngôi và Kitô; Giáo Hội là thực thể duy nhất, vừa

thần linh vừa nhân loại, là thánh nhưng gồm những phần tử yếu đuối tội lỗi, là tập hợp những người được Thiên Chúa yêu thương và tôn trọng.

Giáo Hội, xét như thực thể gồm những con người, có một lịch sử được tạo thành do những hành vi tự do của những phần tử của Giáo Hội. Giáo Hội là dấu chỉ của Thiên Chúa, là bí tích (dấu chỉ ban tình yêu ân sủng) cho con người.

Thần học về Giáo Hội còn cho thấy tương quan “quy nhân” giữa Giáo Hội và thế giới. Ngày nay thái độ của Giáo Hội đối với thế giới là đối thoại, Giáo Hội xác nhận, các tạo vật và các xã hội đều có những định luật và những giá trị riêng mà con người phải khám phá dần dần.¹¹⁰ Giáo Hội cũng có thể nhận ra dự định của Thiên Chúa qua những dấu chỉ là những gì đang xảy ra trong lòng thế giới.¹¹¹

Thần học về ân sủng và bí tích cũng được nhìn trong viễn tượng ngôi vị và quy Kitô. Đức Giêsu Kitô là ân sủng và là bí tích cho con người; Giáo Hội xét như thân thể màu nhiệm của Đức Kitô cũng

¹¹⁰ Công Đồng Vatican II trong hiến chế *Gaudium et Spes*, số 36.

¹¹¹ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 263.

cf. M-D. Chenu, “Les signes des temps”, trong *Gaudium et Spes*, *L’Église dans le monde de ce temps*, Paris 1967, p. 113.

trở thành ân sủng và bí tích của Thiên Chúa đối với con người ngày nay.

Cơ cấu bí tích (dấu chỉ-ân sủng) là cơ cấu của con người. Thiên Chúa cũng mặc khải cho con người qua các dấu chỉ. Lời Thiên Chúa đã nhập thể để trở thành dấu chỉ tình yêu Thiên Chúa cho con người. Trong thần học về ân sủng và bí tích, người ta nhận thấy Đức Kitô là dấu chỉ của Thiên Chúa, Giáo Hội là dấu chỉ của Đức Kitô, và các bí tích là những hành động của Đức Kitô được hoàn thành trong Giáo Hội và bởi Giáo Hội.¹¹²

Thần học cánh chung (cánh chung học) cũng là một trục chính của thần học hiện đại, và nó cũng mang chiều kích quy nhân.

Cánh chung học bàn về “những sự sau” trong tương quan với Đức Kitô chết và phục sinh, Ngài là khởi điểm và cánh chung của mọi sự.

Chiều kích cánh chung phải là chiều kích chi phối tất cả thần học, bởi vì thần học không phải chỉ bàn về ơn cứu độ trong thời gian này, nhưng còn

¹¹² Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 267.

cf. E. Schillebeeckx, *Le Christ - Sacrement de la rencontre de Dieu*, Paris 1962.

E. Schillebeeckx, “Les sacrements - organes de la rencontre de Dieu”, trong *Questions théologiques aujourd’hui*, III, Bruges et Paris 1965, pp. 239-267.

phải nói về ơn cứu độ trong thời điểm hoàn tất của thời gian nữa. Mỗi người đều phải chết cái chết của mình, không ai có thể chết giùm người khác, và chẳng có ai có thể chết giùm mình. Chết là hành vi của ngôi vị.

Hỏa ngục là hành vi từ chối tình yêu. Không tình yêu, không đón nhận Thiên Chúa Tình Yêu, là hỏa ngục.¹¹³

¹¹³ Latourelle, *Théologie - Science du Salut*, p. 267-269.

THƯ MỤC

Congar, Y. M. J. "Théologie," *Dictionnaire de Théologie Catholique*, XV, col. 341-502. Paris 1946.

Congar, Y. M. J. *La foi et la Théologie*. Desclée, 1962.

Congar, Y. M. J. *Situation et Taches présentes de la théologie*. Paris: Cerf, 1967.

De Diego, J. R. *Theologia Scientia Sacra: Introductio in theologiam*. Dalat: GHHV Piô X, lhnb, 1969.

Geffré Cl. "L'histoire récente de la théologie fondamentale - essai d'interprétation," *Concilium* 46 (1969), pp. 11-28.

Gutierre-Merino, G. "Mouvements de libération et Théologie," *Concilium* 93 (1974), pp. 121-130.

NN. *Plan d'études de la faculté de théologie*. Đà Lạt: GHHV Piô X, lhnb, 1977.

NN. *Matières de la faculté de théologie*. Đà Lạt: GHHV Piô X, lhnb, 1977.

Latourelle, R. *Theologia Scientia Sacra*. Roma: Gregoriana, 1965.

Latourelle, R. *Théologie Science du Salut*. Paris, 1968.

Pieris A. *Một hướng thần học giải phóng Á châu*. Orbis Books, 1988. Bản dịch của UBĐKCGVN, Tp. HCM 1989.

Rahner K. "A propos de la réforme des études ecclésiastiques," *Est-il possible aujourd'hui de croire*. France: Mame, 1966.

Scannone, J. C. "La théologie de la libération: évangélique ou idéologique?" *Concilium* 93 (1974), pp. 131-138.

Schillebeeckx, Ed. *Approches théologiques 1: Révélation et Théologie*. Bruxelles: Cerf, 1965.

Sohngen, G. "La Sagesse de la théologie par la voie de la Science," *Mysterium Salutis t.1 vol. IV*, pp. 159-250.



DẪN NHẬP THẦN HỌC

Tác giả: Giuse Phạm Thanh Liêm, S.J.

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

1953J (số cũ 210) Nguyễn Ái Quốc, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai

Chịu trách nhiệm xuất bản: GĐ - TBT. Bùi Thị Lâm Ngọc

Biên tập : Đào Thị Thu Thanh

Thực hiện : Dòng Thánh Phaolô Thiện Bản

Sửa bản in : Thu Thanh

Hình bìa : Giuse Nguyễn Tấn Lực

Liên kết xuất bản:

Nhà sách ĐỨC BÀ HÒA BÌNH
DÒNG THÁNH PHAOLÔ THIỆN BẢN
1- Công Xã Paris - Quận 1 - TP. HCM
(028) 38 250 745 - 09 38 03 71 75
<https://ducbahoabinhbooks-osp.com>

In 1.000 bản, khổ 13 x 20,5 cm. In tại Công ty CP in TM Trần Châu Phúc,
509 Tân Hoà Đông, P. Bình Trị Đông, Q. Bình Tân, TP. HCM.

Số xác nhận ĐKXB: 4255-2021/CXBIPH/9-521/ĐoN,

Cục Xuất bản, In và Phát hành xác nhận ngày 23/11/2021.

Số QĐXB: 967/QĐB-ĐoN, do NXB Đồng Nai cấp ngày 01/12/2021.

Mã ISBN: 978-604-332-621-5. In xong và nộp lưu chiểu quý I/2022.